

Số: 02 /2021/NQ-HĐND

Thừa Thiên Huế, ngày 26 tháng 02 năm 2021

**NGHỊ QUYẾT**

**Ban hành Quy định mức chi kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XV  
và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026  
trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế**

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ T.T.HUẾ	
ĐẾN	Số: 316
	Ngày: 08/3
	Chuyên: HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ  
KHÓA VII, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ 14**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 06 năm  
2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm  
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân ngày  
25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của  
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước.

Căn cứ Thông tư số 102/2020/TT-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Bộ  
Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu  
cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ  
2021-2026;

Xét Tờ trình số 1508/TTr-UBND ngày 24 tháng 02 năm 2021 của Ủy ban  
nhân dân tỉnh đề nghị ban hành Nghị quyết quy định mức chi kinh phí bầu cử đại  
biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-  
2026 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế; Báo cáo thẩm tra của Ban pháp chế và ý  
kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định mức chi kinh phí bầu cử  
đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-  
2026 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban HỘI đồng nhân dân, Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mật trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này theo nhiệm vụ, quyền hạn đã được pháp luật quy định.

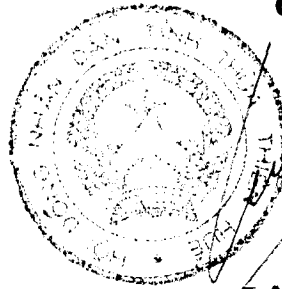
### **Điều 3. Hiệu lực thi hành**

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế khóa VII, Kỳ họp chuyên đề thứ 14 thông qua ngày 26 tháng 02 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 08 tháng 3 năm 2021./.

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- UBND Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu;
- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã và Tp.Huế;
- Công báo tỉnh, Cổng TTĐT tỉnh;
- VP: Lãnh đạo và các CV;
- Lưu: VT, LT.

**CHỦ TỊCH**



**Lê Trường Lưu**



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY ĐỊNH**

**Mức chi kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế**  
*(Kèm theo Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 26 tháng 02 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)*

### **Chương I**

#### **QUY ĐỊNH CHUNG**

##### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định mức chi kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

##### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan đến công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

##### **Điều 3. Nguyên tắc thực hiện**

Các cơ quan, đơn vị được giao kinh phí phục vụ cho công tác bầu cử có trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, có hiệu quả; tuân thủ chế độ, định mức tiêu chuẩn theo quy định.

Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau chỉ được hưởng một mức bồi dưỡng, hỗ trợ cao nhất.

##### **Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện**

Kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế do ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh đảm bảo.

### **Chương II**

#### **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

##### **Điều 5. Chi tổ chức hội nghị liên quan đến công tác bầu cử**

Thực hiện nội dung và mức chi theo quy định tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

##### **Điều 6. Chi tổ chức tập huấn công tác bầu cử**

Thực hiện nội dung và mức chi theo quy định tại Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định



mức chi đào tạo, bồi dưỡng và chính sách hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế.

Riêng đại biểu dự tập huấn không hưởng lương từ ngân sách nhà nước áp dụng theo quy định tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

**Điều 7. Chi bồi dưỡng các cuộc họp liên quan đến công tác bầu cử các cấp**

1. Các cuộc họp của Ủy ban bầu cử tỉnh, Ban bầu cử đại biểu Quốc hội, Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh tổ chức liên quan đến bầu cử:

- a) Chủ trì cuộc họp: 160.000 đồng/người/buổi.
- b) Thành viên tham dự: 80.000 đồng/người/buổi.
- c) Các đối tượng phục vụ: 40.000 đồng/người/buổi.

2. Các cuộc họp của các đơn vị khác liên quan đến công tác bầu cử:

- a) Chủ trì cuộc họp: 120.000 đồng/người/buổi.
- b) Thành viên tham dự: 60.000 đồng/người/buổi.
- c) Các đối tượng phục vụ: 40.000 đồng/người/buổi.

**Điều 8. Chi công tác kiểm tra, giám sát bầu cử của Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban bầu cử và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam**

Ngoài chế độ thanh toán công tác phí theo Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh, các đoàn công tác được chi như sau:

1. Chi kiểm tra, giám sát:

- a) Trưởng đoàn: 160.000 đồng/người/buổi.
- b) Thành viên chính thức của đoàn: 80.000 đồng/người/buổi.
- c) Phục vụ trực tiếp đoàn: 60.000 đồng/người/buổi.
- d) Phục vụ gián tiếp đoàn (Lái xe, bảo vệ lãnh đạo): 40.000 đồng/người/buổi.

2. Chi xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát:

a) Báo cáo tổng hợp kết quả các đợt kiểm tra, giám sát trình Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban bầu cử, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam: Mức 2.000.000 đồng/báo cáo.

b) Chi tham gia ý kiến của chuyên gia (nếu có) đối với báo cáo tổng hợp kết quả kiểm tra, giám sát: 200.000đ/người/lần, tối đa 1.000.000đ/người/văn bản.

**Điều 9. Chi bồi dưỡng, hỗ trợ cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử**

1. Bồi dưỡng theo mức khoán đối với các đối tượng:

- a) Chủ tịch, Phó Chủ tịch và Thư ký Ủy ban bầu cử:

- Cấp tỉnh: Mức 1.800.000 đồng/người/tháng.
- Cấp huyện: Mức 1.400.000 đồng/người/tháng.
- Cấp xã: Mức 1.000.000 đồng/người/tháng.

b) Các Ủy viên Ủy ban bầu cử:

- Cấp tỉnh: Mức 1.600.000 đồng/người/tháng.
- Cấp huyện: Mức 1.200.000 đồng/người/tháng.
- Cấp xã: Mức 800.000 đồng/người/tháng.

c) Trưởng ban, Phó Trưởng ban và Thư ký Ban bầu cử:

- Cấp tỉnh: Mức 1.800.000 đồng/người/tháng.
- Cấp huyện: Mức 1.400.000 đồng/người/tháng.

d) Các Ủy viên Ban bầu cử:

- Cấp tỉnh: Mức 1.600.000 đồng/người/tháng.
- Cấp huyện: Mức 1.200.000 đồng/người/tháng.

đ) Tổ chuyên viên giúp việc Ủy ban bầu cử:

- Cấp tỉnh (giúp việc cho Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Giám đốc Sở Nội vụ): Mức 800.000 đồng/người/tháng.

- Cấp huyện (giúp việc cho Ủy ban bầu cử): Mức 500.000 đồng/người/tháng.

Thời gian hưởng chế độ bồi dưỡng đối với các đối tượng quy định tại điểm a, b, đ khoản 1, Điều này được tính từ thời gian Quyết định của Ủy ban nhân dân thành lập Ủy ban bầu cử có hiệu lực đến khi Ủy ban bầu cử kết thúc nhiệm vụ, tối đa không quá 04 tháng đối với cấp tỉnh và 03 tháng đối với cấp huyện, cấp xã. Thời gian hưởng chế độ bồi dưỡng đối với các đối tượng quy định tại điểm c, d khoản 1, Điều này được tính từ thời gian Quyết định của Ủy ban nhân dân thành lập Ban bầu cử có hiệu lực đến khi Ủy ban bầu cử kết thúc nhiệm vụ, tối đa không quá 03 tháng đối với cấp tỉnh và 02 tháng đối với cấp huyện.

Danh sách chi bồi dưỡng thực hiện theo quyết định thành lập đã được cấp cơ sở thẩm quyền phê duyệt.

2. Bồi dưỡng các đối tượng được huy động, trung tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử (không bao gồm những ngày tham gia đoàn kiểm tra, giám sát; phục vụ trực tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử, ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử): 80.000 đồng/người/ngày, thời gian hưởng chế độ chi bồi dưỡng không quá 15 ngày.

Trường hợp thời gian huy động, trung tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử lớn hơn 15 ngày, thực hiện chi bồi dưỡng theo mức chi tối đa: 1.200.000 đồng/người/tháng trên cơ sở quyết định, văn bản huy động, trung tập được cấp cơ sở thẩm quyền phê duyệt.

3. Riêng 02 ngày (ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử):

a) Bồi dưỡng cho Tổ bầu cử tham gia phục vụ bầu cử (ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử): 150.000 đồng/người/ngày.

b) Bồi dưỡng cho 02 cử tri chứng kiến kiểm phiếu bầu cử (ngày bầu cử): 100.000 đồng/người/ngày.

Danh sách đối tượng được hưởng chế độ chi bồi dưỡng theo các quyết định, văn bản của cấp có thẩm quyền phê duyệt.

### **Điều 10. Chi khoán hỗ trợ cước điện thoại**

1. Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Thư ký Ủy ban bầu cử tỉnh; Tổ trưởng và Tổ phó Tổ chuyên viên giúp việc Ủy ban bầu cử tỉnh: 400.000 đồng/người/tháng.

2. Tổ trưởng và Tổ phó Tổ chuyên viên giúp việc cho Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ: 400.000 đồng/người/tháng.

3. Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Thư ký Ủy ban bầu cử cấp huyện; Tổ trưởng và Tổ phó Tổ chuyên viên giúp việc Ủy ban bầu cử cấp huyện: 300.000 đồng/người/tháng.

Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Ủy ban bầu cử tỉnh quyết định danh sách những người được hỗ trợ cước điện thoại, mức khoán tối đa không quá 250.000 đồng/người/tháng; Chủ tịch Ủy ban bầu cử cấp huyện quyết định danh sách những người được hỗ trợ cước điện thoại, mức khoán tối đa không quá 200.000 đồng/người/tháng (nằm trong dự toán kinh phí bầu cử được giao).

Thời gian hỗ trợ cước điện thoại được tính theo thời gian thực tế phục vụ công tác bầu cử, từ thời điểm Quyết định của Ủy ban nhân dân thành lập Ủy ban bầu cử có hiệu lực đến khi Ủy ban bầu cử kết thúc nhiệm vụ nhưng tối đa không quá 03 tháng.

### **Điều 11. Chi tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử**

1. Người được giao trực tiếp việc tiếp công dân: 70.000 đồng/người/buổi.

2. Người phục vụ trực tiếp việc tiếp công dân: 50.000 đồng/người/buổi.

3. Người phục vụ gián tiếp việc tiếp công dân: 40.000 đồng/người/buổi.

### **Điều 12. Các nội dung chi khác**

Thực hiện theo các quy định hiện hành, thanh toán theo các chứng từ chi hợp pháp trên cơ sở dự toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt./.